CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
10g00 Ngày 18/4/2026

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 124/2020/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT KHIẾU NẠI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết các điều khoản sau đây của Luật Khiếu nại:

a) Khoản 2 Điều 3 về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Khoản 4 Điều 8 về nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung;

c) Điều 11a về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại;

d) Khoản 6 Điều 30 về trường hợp người khiếu nại đã được mời đối thoại nhưng không tham gia đối thoại mà không có lý do chính đáng thì người giải quyết khiếu nại vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại;

e) Khoản 3 Điều 41 về công khai quyết định giải quyết khiếu nại;

g) Khoản 4 Điều 46 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật;

h) Khoản 2 Điều 58 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật.

2. Quy định một số biện pháp thi hành Luật Khiếu nại gồm: hình thức khiếu nại; xác định vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại; khiếu nại lần hai;

đại diện thực hiện việc khiếu nại; rút khiếu nại trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; xem xét việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật; xử lý hành vi vi phạm.".

Điều 2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3

"Điều 3a. Vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại

1. Vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại là vụ việc thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khiếu nại về một nội dung nhưng phải xác minh từ 02 địa điểm trở lên;

b) Khiếu nại có từ 02 nội dung phải xác minh trở lên;

c) Nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung hoặc nội dung khiếu nại liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người;

d) Khiếu nại có yếu tố nước ngoài: người khiếu nại ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài; hành vi bị khiếu nại xảy ra ở nước ngoài; nội dung khiếu nại phải xác minh ở nước ngoài;

đ) Nội dung khiếu nại liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức;

e) Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại còn ý kiến khác nhau;

g) Có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thời gian kiểm tra, xác minh, đánh giá hoặc tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

2. Việc xác định vụ việc phức tạp phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.".

Điều 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 5

"3. Việc ủy quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền khiếu nại của cá nhân phải được công chứng hoặc chứng thực. Văn bản ủy quyền của tổ chức phải do người có thẩm quyền của tổ chức ký và đóng dấu của tổ chức đó nếu có. Nội dung văn bản ủy quyền thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

Người khiếu nại được ủy quyền khiếu nại cho một người hoặc nhiều người về các nội dung ủy quyền khác nhau nhưng không được ủy quyền một nội dung cho nhiều người thực hiện.".

Điều 4. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7

"Điều 7a. Rút khiếu nại trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung

1. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung mà có một hoặc một số người khiếu nại rút khiếu nại thì việc giải quyết khiếu nại vẫn được tiếp tục đối với những người khiếu nại còn lại.

2. Người khiếu nại đã rút khiếu nại không được tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trường hợp toàn bộ người khiếu nại rút khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại.

4. Việc rút khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Khiếu nại.".

Điều 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 8

"1. Khi phát sinh việc nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phân công người có trách nhiệm tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp khiếu nại phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, Mặt trận Tổ quốc phối hợp để tiếp, nghe đại diện của những người khiếu nại trình bày nội dung khiếu nại;

b) Chỉ đạo Công an cấp xã giữ gìn trật tự công cộng nơi có nhiều người khiếu nại tập trung;

c) Hướng dẫn người khiếu nại thực hiện việc khiếu nại đúng quy định của pháp luật.".

Điều 6. Bãi bỏ Điều 9.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc khiếu nại tham gia hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại do Ban tiếp công dân cấp tỉnh chuyển đến.".

Điều 8. Sửa đổi khoản 4 Điều 11

"4. Công an cấp xã, cấp tỉnh quản lý địa bàn nơi người khiếu nại tập trung có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.".

Điều 9. Sửa đổi khoản 1 Điều 16

"1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền giải quyết mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết

khiếu nại lần đầu hoặc lần hai phải thụ lý giải quyết. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung và cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại thì thụ lý khi trong đơn khiếu nại có đầy đủ chữ ký của những người khiếu nại và có văn bản cử người đại diện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này. Trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do trong văn bản thông báo cho người khiếu nại.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm Điều 28

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Người giải quyết khiếu nại lần hai là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại.".

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ có liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan phải có mặt tại địa điểm đối thoại theo đúng thời gian trong văn bản thông báo của người chủ trì đối thoại.

Người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại đã nhận được thông báo lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia đối thoại thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng hoặc có văn bản từ chối tham gia đối thoại thì người giải quyết khiếu nại vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại;

b) Trường hợp có lý do chính đáng mà không có văn bản từ chối tham gia đối thoại thì người giải quyết khiếu nại tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11a Luật Khiếu nại;

c) Sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan quy định tại Điều 28a Nghị định này được coi là một trong những lí do chính đáng.".

Điều 11. Bổ sung Mục 2a vào sau Mục 2 Chương IV

" MỤC 2A. TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 28a. Sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan trong giải quyết khiếu nại

1. Sự kiện bất khả kháng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11a Luật Khiếu nại là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.

2. Trở ngại khách quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11a Luật Khiếu nại là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người khiếu nại, người đại diện hợp pháp của người khiếu nại không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Các trường hợp được coi là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan bao gồm:

a) Thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, địch họa;

b) Hồ sơ, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ việc khiếu nại đang bị cơ quan có thẩm quyền tạm giữ, niêm phong;

c) Trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc áp dụng quy định tại Điều này phải có căn cứ, tài liệu chứng minh và được thể hiện trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.".

Điều 28b. Ban hành, gửi quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại; thông báo tiếp tục giải quyết khiếu nại

1. Khi có căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11a Luật Khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ban hành quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại theo Mẫu số 14a ban hành kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm gửi quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11a Luật Khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại gửi quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vụ việc khiếu nại.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có đủ căn cứ xác định căn cứ tạm đình chỉ không còn, người giải quyết khiếu nại phải ban hành quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại theo Mẫu số 14b ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm gửi quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ có liên quan.

Thời hạn giải quyết khiếu nại tiếp tục được tính từ ngày ban hành quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại; thời gian tạm đình chỉ không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 38

"**Điều 38. Xem xét việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật**

1. Khi phát hiện Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu người có thẩm quyền hoặc giao Tổng Thanh tra Chính phủ kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết.

2. Khi phát hiện Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc cơ quan ngang bộ giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ yêu cầu người có thẩm quyền hoặc giao Thủ trưởng cơ quan trực thuộc phù hợp kiểm tra, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo giải quyết.

3. Khi phát hiện Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người có thẩm quyền hoặc giao Chánh thanh tra tỉnh kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo giải quyết.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39

"1. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, người có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật và những người khác là cán bộ, công chức, viên chức mà có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định tại các Điều 40, 41, 41a và 42 của Nghị định này. Hình thức xử lý kỷ luật bao gồm: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các nội dung khác có liên quan đến việc xử lý kỷ luật chưa được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 40

"Điều 40. Xử lý kỷ luật đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong những hành vi sau:

a) Sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại;

b) Bao che cho người bị khiếu nại;

c) Đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong những hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại.

3. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý báo cáo sai lệch kết quả xác minh nội dung khiếu nại dẫn đến quyết định giải quyết khiếu nại sai trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc cảnh cáo đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm;

b) Cố ý báo cáo sai lệch kết quả xác minh nội dung khiếu nại dẫn đến quyết định giải quyết khiếu nại sai gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 41

"Điều 41. Xử lý kỷ luật đối với người giải quyết khiếu nại

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong những hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

a) Sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại;

b) Bao che cho người bị khiếu nại;

c) Đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với vụ việc khiếu nại đủ điều kiện thụ lý thuộc thẩm quyền;

c) Cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc;

d) Cố ý không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này mà tái phạm;

b) Vi phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người;

c) Cố ý ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức theo quy định tại khoản 3 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.".

Điều 16. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41

"Điều 41a. Xử lý đối với người can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại

1. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách; trường hợp tái phạm thì áp dụng hình thức cảnh cáo.

2. Người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có hành vi can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43

"1. Việc giải quyết đối với khiếu nại trong doanh nghiệp nhà nước và khiếu nại của người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội và pháp luật về khiếu nại có liên quan.".

Điều 18. Bổ sung, thay thế một số biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP

1. Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 14 bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bổ sung Mẫu số 14a, Mẫu số 14b vào sau Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

1. Việc rút khiếu nại, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, đối thoại đối với vụ việc khiếu nại đã có thông báo thụ lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang trong quá trình xác minh hoặc tổ chức đối thoại được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với vụ việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bị phát hiện trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, đang được xem xét, giải quyết thì tiếp tục thực hiện việc xem xét giải quyết theo quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

3. Đối với hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại bị phát hiện trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, đang được xem xét, giải quyết và chưa có quyết định xử lý kỷ luật thì áp dụng các quy định về xử lý kỷ luật tại Nghị định này trừ trường hợp Nghị định này quy định hình thức xử lý kỷ luật ở mức độ cao hơn so với quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Nghị định này và pháp luật về khiếu nại, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc giải quyết khiếu nại trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn khiếu nại
Mẫu số 02	Giấy ủy quyền khiếu nại
Mẫu số 03	Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại
Mẫu số 04	Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại
Mẫu số 14	Biên bản đối thoại với người khiếu nại
Mẫu số 14a	Quyết định tạm đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại
Mẫu số 14b	Quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi: ..... (1)

1. Thông tin người khiếu nại: (2)

- Họ và tên .....;
- Địa chỉ:.....;
- Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..... , ngày cấp..... , nơi cấp:.....

2. Thông tin người được uỷ quyền khiếu nại (nếu có): (3)

- Họ và tên:.....
- Địa chỉ:.....;
- Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..... , ngày cấp..... , nơi cấp:.....

3. Thông tin cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại: (4). ;

- Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....
- Địa chỉ:..... ;

4. Khiếu nại về việc:..... (5);

6. Nội dung khiếu nại:..... (6).

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo - nếu có).

NGƯỜI KHIẾU NẠI (7)
(Chữ ký hoặc điểm chỉ)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(2) Ghi rõ họ và tên, địa chỉ và số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu. của người khiếu nại.

Nếu nhiều người cùng làm một đơn khiếu nại về cùng một nội dung thì ghi rõ họ và tên, địa chỉ và số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu của từng người.

Nếu người khiếu nại là tổ chức thì ghi tên cơ quan tổ chức và người đại điện (họ và tên, chức vụ);

(3) Ghi rõ họ và tên, địa chỉ và số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu. của người được uỷ quyền (nếu có)

(4) Ghi rõ tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức; họ và tên của cá nhân.

(5) Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về việc gì (ghi rõ khiếu nại lần đầu hoặc lần hai).

(6) Ghi rõ nội dung khiếu nại, cơ sở của việc khiếu nại và yêu cầu giải quyết khiếu nại.

(7) Người khiếu nại ghi rõ họ tên và ký hoặc điểm chỉ. Nếu nhiều người cùng làm một đơn khiếu nại về cùng một nội dung thì ghi rõ họ tên và ký hoặc điểm chỉ

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY ỦY QUYỀN KHIẾU NẠI

Họ và tên người khiếu nại:.....;

Địa chỉ: .....;

Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..... ,

ngày cấp..... , nơi cấp:

Họ và tên người được ủy quyền khiếu nại.....

Địa chỉ: .....;

Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..... ,

ngày cấp..... , nơi cấp:

Nội dung ủy quyền khiếu nại: .....(1)

(Trong quá trình thực hiện việc khiếu nại, người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung ủy quyền).

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Chữ ký hoặc điểm chỉ)	*(Chữ ký hoặc điểm chỉ/Trường hợp ủy quyền của tổ chức phải do người có thẩm quyền của tổ chức ký và đóng dấu(nếu có))*
Họ và tên	**Họ và tên**

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN (2)/LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC(3)

Ghi chú:

(1) Ủy quyền toàn bộ hay ủy quyền một số nội dung khiếu nại (trường hợp ủy quyền một số nội dung thì phải ghi rõ nội dung ủy quyền khiếu nại).

(2) Đối với trường hợp công chứng. Nội dung lời chứng thực hiện theo quy định pháp luật về công chứng;

(3) Đối với trường hợp chứng thực. Nội dung lời chứng thực hiện theo quy định pháp luật về chứng thực.

Mẫu số 03

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------
Số:.../TB-...	*....., ngày... tháng... năm.....*

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý giải quyết khiếu nại...(3)

Kính gửi: (4)

Ngày... tháng... năm...,...(2)... đã nhận được đơn khiếu nại của.....(4).....:

Địa chỉ:..... ;

Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..... ,

ngày cấp..... , nơi cấp:

Khiếu nại về việc..... (5).

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại của...(4)..., căn cứ quy định của pháp luật về khiếu nại,...(2)... nhận thấy đơn khiếu nại của...(4)... đủ điều kiện thụ lý.

Vậy thông báo để...(4)... được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-....(6)....;
- Lưu: VT, hồ sơ.

CHỨC DANH
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CỦA (2)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại.

(3) Lần giải quyết khiếu nại: "lần đầu" hoặc "lần hai".

(4) Họ tên người khiếu nại (hoặc tên cơ quan, tổ chức, người đại diện, người được ủy quyền khiếu nại).

(5) Tóm tắt nội dung khiếu nại.

(6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Mẫu số 04

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------
Số:.../TB-...	*....., ngày... tháng... năm.....*

THÔNG BÁO

Về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại

Kính gửi: (3)

Ngày... tháng... năm...,...(2)... đã nhận được đơn khiếu nại của.....(3)

Địa chỉ:..... .

Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..... ,

ngày cấp..... , nơi cấp:

Khiếu nại về việc.....(4)

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011, cơ quan chức năng nhận thấy, đơn khiếu nại của...(3)... không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì lý do sau đây:...(5)

Vậy thông báo để... (3)... được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-....(6)....;
- Lưu: VT, hồ sơ.

CHỨC DANH
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CỦA (2)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

(3) Họ tên người khiếu nại (hoặc tên cơ quan, tổ chức, người đại diện, người được ủy quyền khiếu nại).

(4) Tóm tắt nội dung khiếu nại.

(5) Lý do của việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

(6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

Mẫu số 14

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------

BIÊN BẢN ĐỐI THOẠI VỚI NGƯỜI KHIẾU NẠI

Vào hồi... giờ..., ngày... tháng... năm..... , tại..... (3)

I. THÀNH PHẦN THAM GIA ĐỐI THOẠI:

1. Người giải quyết khiếu nại, người được phân công chủ trì đối thoại:

Ông (bà)..... chức.. vụ..... ....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)

2. Người ghi biên bản:

Ông (bà)..... chức vụ....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)

3. Người khiếu nại (hoặc người đại diện, người được ủy quyền của người khiếu nại):.....(4)

Ông (bà)..... chức vụ ....., cơ quan (tổ chức)

Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..., ngày cấp..., nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

(Trường hợp người khiếu nại không tham gia đối thoại thì ghi rõ trong biên bản người khiếu nại vắng mặt có lý do hoặc không có lý do).

4. Người bị khiếu nại (hoặc người đại diện, người được ủy quyền khiếu nại của người bị khiếu nại (nếu có)):

Ông (bà)..... chức vụ ....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)

5. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (nếu có):

Ông (bà).....

Số Căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/..., ngày cấp..., nơi cấp..

Địa chỉ:.....

6. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có):

Ông (bà).....

Địa chỉ:.....

II. NỘI DUNG ĐỐI THOẠI:

1. Người giải quyết khiếu nại hoặc người được phân công chủ trì đối thoại nêu mục đích, yêu cầu của việc đối thoại, tóm tắt kết quả xác minh nội dung khiếu nại và những nội dung đối thoại:.....

2. Ý kiến của những người tham gia đối thoại về từng nội dung đối thoại.....

III. KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI:

Những nội dung đối thoại đã thống nhất, những vấn đề còn ý kiến khác nhau và những ý kiến khác (nếu có).

Buổi đối thoại kết thúc hồi... giờ... ngày... tháng... năm.....

Biên bản đối thoại đã được đọc lại cho những người tham gia đối thoại nghe và ký xác nhận *(trường hợp người tham gia đối thoại không ký xác nhận thì phải ghi rõ lý do).*

Biên bản được lập thành.... bản; người giải quyết khiếu nại, người được giao nhiệm vụ xác minh, người khiếu nại, người bị khiếu nại - mỗi người được nhận 01 bản./.

NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN CÔNG CHỦ TRÌ ĐỐI THOẠI)** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*
NGƯỜI KHIẾU NẠI (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN) *(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*
NGƯỜI CÓ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LIÊN QUAN *(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)*	**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì đối thoại.

(3) Địa điểm tiến hành đối thoại.

(4) Người khiếu nại (hoặc người đại diện, người được ủy quyền của người khiếu nại).

Mẫu số 14a

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------
Số:.../…-...	*....., ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm đình chỉ (hoặc đình chỉ)

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ .....;

Căn cứ .....;

Theo đề nghị của .....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1...... (4)

Lý do: …….

Điều 2.....(5)

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều.....;	*(Chữ ký của người có thẩm quyền,*
- .....;	*dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*
- Lưu:…	
	Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(3) Ghi một trong hai trường hợp "Tạm đình chỉ" hoặc "đình chỉ" giải quyết khiếu nại

(4) Ghi rõ việc tạm đình chỉ/đình chỉ giải quyết vụ việc khiếu nại

(5) Cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm thi hành;

Mẫu số 14b

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------
Số:.../…-...	*....., ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp tục giải quyết khiếu nại

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ .....;

Căn cứ .....;

Theo đề nghị của .....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1......

Điều 2.....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều.....;	*(Chữ ký của người có thẩm quyền,*
- .....;	*dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*
- Lưu:…	
	Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.